TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **375**/2020/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2020/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

Bà **Trần Thị Lan P**, sinh năm 1959; Giấy chứng minh nhân dân số: 00115900598 ngày cấp: 27/12/2013 tại Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư (điện thoại: 09174188XX) và ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1959. Chứng minh nhân dân số: 001059001275 cấp ngày 24/7/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư (điện thoại: 09842666XX). Cùng Đăng ký hộ khẩu: Số 21, ngõ 93 phố N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Lan P và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 02892; quyển số HN/1982 ngày 22 tháng 02 năm 1982 tại Uỷ ban nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Trần Thị Lan P** và ông **Nguyễn Văn T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng xác nhận có một con chung là anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1982 đã trưởng thành phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Trần Thị Lan P tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 24625 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long